

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** B1.401**Môn thi:** Kỹ năng nghe**Ca thi:** 9h00**Ngày thi:** 17/4/2021

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0087	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/01/1999			
2	TA0088	Bùi Quang	Thành	22/07/1999			
3	TA0089	Trần Tiến	Đạt	06/08/1999			
4	TA0090	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	2/9/1999			
5	TA0091	Đỗ Thị	Anh	21/05/1999			
6	TA0092	Nguyễn Diệu	Thanh	07/10/1999			
7	TA0093	Phạm Hoàng Thu	Thảo	31/05/1999			
8	TA0094	Trịnh Lê Giáng	Ngọc	25/11/0099			
9	TA0095	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/07/1999			
10	TA0096	Kiều Đình	Sơn	15/02/1999			
11	TA0097	Trần Thu	Trang	26/10/1999			
12	TA0098	Trần Quỳnh	Giang	03/10/1999			
13	TA0099	Vi Thị Thanh	Hương	09/01/1999			
14	TA0100	Lưu Hoàng	Hà	28/12/1999			
15	TA0101	Trần Hoài	Nam	15/06/1999			
16	TA0102	Trần Kim	Xuân	21/08/1999			
17	TA0103	Nguyễn Văn	Chiến	13/02/1999			
18	TA0104	Trương Thị Thu	Hường	15/01/1999			
19	TA0105	Nguyễn Thị	Mai	08/09/1999			
20	TA0106	Nguyễn Đức	Hà	11/06/1999			
21	TA0107	Đỗ Trọng	Tiến	22/01/2000			
22	TA0108	Lê Hoàng Hạnh	Nguyên	23/07/1999			

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
23	TA0109	Phạm Tiến	Thành	02/01/1999			
24	TA0110	Nguyễn Ngọc	Khánh	03/08/2000			
25	TA0111	Trần Nhật	Mai	30/12/1999			
26	TA0112	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/04/1998			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)